TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC LINH** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 83/2023/HNGĐ-ST
Ngày 21 - 8 - 2023
V/v ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH - TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quý.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đoàn Công Hòa.
Ông Võ Trọng Văn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Vân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Ông Cao Quốc Thuận - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý: 277/2023/TLST-HNGĐ, ngày 19 tháng 6 năm 2023, về ly hôn; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 179/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2023; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1971; nơi cư trú: Số nhà 673, đường ĐT, tổ 2, thôn 1, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

Địa chỉ liên hệ: Số nhà 36, đường số 2, tổ 2, thôn 1, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

- Bị đơn: Ông Hoàng Văn T, sinh năm 1964; nơi cư trú: Số nhà 673, đường ĐT, tổ 2, thôn 1, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa vắng mặt nguyên đơn và bị đơn, nhưng các đương sự bà Nguyễn Thị T và ông Hoàng Văn T đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai của đương sự, biên bản hòa giải, cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Bà Nguyễn Thị T và ông Hoàng Văn T giữa hai người tự tìm hiểu yêu thương nhau và tổ chức lễ cưới truyền thống nhưng không có đã đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong thời gian vợ chồng sống chung thì xãy ra nhiều mâu thuẫn là do tính cách, quan điểm sống của mỗi người không hợp nhau nên thường xãy ra va chạm là do ông T có tính ích kỷ, gia trưởng và thường xuyên uống rượu, khi say xỉn không làm chủ bản thân về nhà đập vợ, chửi bới và đuổi bà ra khỏi nhà, cuộc sống của vợ chồng không được hạnh phúc; nên bà đã ra khỏi nhà sống ly thân từ tháng 12/2022 cho đến nay. Từ đó, bà T xác định vợ chồng không còn tình cảm, yêu thương, quý trọng nhau nên bà làm đơn đến Tòa án giải quyết không công nhận bà và ông T là vợ chồng.

Về con chung, về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị T không yêu cầu Tòa án phải giải quyết.

Theo biên bản lấy lời khai của đương sự, biên bản hòa giải, cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, bị đơn ông Hoàng Văn T trình bày:

Nay tại Tòa án hòa giải thì ông Hoàng Văn T thống nhất toàn bộ nội dung do bà Nguyễn Thị T đã trình bày về hôn nhân và việc không đăng ký kết hôn. Nay, ông T đồng ý và thống nhất việc đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận bà T và ông T là vợ chồng theo quy định của pháp luật.

Về con chung, về tài sản chung và nợ chung: Ông Hoàng Văn T không yêu cầu Tòa án phải giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, của các đương sự và phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về thủ tục: Thẩm phán thụ lý vụ án và Hội đồng xét xử, Thư ký ghi biên bản phiên tòa đã thực hiện các hoạt động tố tụng để giải quyết vụ án đúng theo trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị T với ông Hoàng Văn T.

Về con chung, về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Tòa án nhân dân huyện Đức Linh đã thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của nguyên đơn là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết là ly hôn.

[1.3] Về xét xử vắng mặt: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt tại phiên tòa đối với nguyên đơn và bị đơn là phù hợp.

[2] Nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T và ông Hoàng Văn T giữa hai người tự tìm hiểu yêu thương nhau và tổ chức lễ cưới truyền thống vào năm 1991, nhưng không có đã đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong thời gian vợ chồng sống chung thì xãy ra nhiều mâu thuẫn là do tính cách, quan điểm sống của mỗi người không hợp nhau nên thường xãy ra va chạm là do ông T có tính ích kỷ, gia trưởng và thường xuyên uống rượu, khi say xỉn không làm chủ bản thân về nhà đập vợ, chửi bới và đuổi bà ra khỏi nhà, cuộc sống của vợ chồng không được hạnh phúc; nên bà đã sống ly thân từ tháng 12/2022 cho đến nay. Từ đó, bà xác định vợ chồng không còn tình cảm, yêu thương, quý trọng nhau nên bà làm đơn đến Tòa án giải quyết không công nhận bà và ông T là vợ chồng.

Hội đồng xét xử thấy rằng bà Nguyễn Thị T và ông Hoàng Văn T sống với nhau như vợ chồng tính đến nay đã được 32 năm, và có một con chung nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình; ngoài ra xét thấy mâu thuẫn của ông bà đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài; nên nghĩ cần tuyên xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị T và ông Hoàng Văn T, là phù hợp với quy định tại Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung, về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

[3] Về áp dụng án lệ: Sau khi rà soát các án lệ đã được Chánh án Tòa án nhân dân Tối cao công bố thấy rằng: Nội dung tranh chấp của vụ án không có những tình tiết, sự kiện tương tự đã được nêu trong các án lệ nên không áp dụng án lệ để giải quyết tranh chấp này, mà căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết.

[4] Về án phí: Bà Nguyễn Thị T là người yêu cầu ly hôn nên bà phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo luật định.

[5] Xét ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ ngày thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật. Phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án là có căn cứ và phù hợp với nội dung vụ án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 146, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa bà Nguyễn Thị T và ông Hoàng Văn T là vợ chồng.

2. Về án phí DSST: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, nhưng được tính trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) do bà T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015174 ngày 19 tháng 6 năm 2023. Bà Nguyễn Thị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Báo cho nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

4. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan thi hành án cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Quý